

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS - ST

Ngày: 14/7/2025

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Tô Thị Lành.**

2. Ông **Lê Bá Lý.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Diệp Bảo Kiệt** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thảo Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2025, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 402/2024/TLST - DS ngày 28 tháng 10 năm 2024; về việc: *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2025/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam; Trụ sở: 54A Nguyễn Chí T, phường L (phường Láng T, quận Đống Đ cũ), thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức Q - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng quản lý tín dụng - Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt N (Theo Giấy ủy quyền số 12402/2023/UQ-RGD12 ngày 19/12/2023).

Người được ủy quyền lại: Ông Lê R – chức vụ: Chuyên viên cao cấp Phòng XLN KHCN tín chấp – Ngân hàng QLTD-MSB; địa chỉ: Tầng 3, số 72 Mai Xuân T, phường Quy N (phường Lê Hồng P, thành phố Quy N, tỉnh Bình Định cũ), tỉnh Gia Lai (Theo Giấy ủy quyền số 10187A/2024/GUQ-TGD12 ngày 18/10/2024), có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Đình X, sinh năm 1975 và bà Cái Thị H, sinh năm 1973; cùng địa chỉ: 469 Lê D, tổ 2, phường An P (phường Thắng L, thành phố P cũ), tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2024 và các lời khai tại Tòa án, người được ủy quyền lại của nguyên đơn ông Lê R trình bày:

* Ngày 06/10/2022, ông Lê Đình X đã ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đề nghị cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức: 100.000.000 đồng. Loại thẻ: Mdig.

* Ngày 02/12/2022, ông Lê Đình X và bà Cái Thị H ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng cho vay số 0212/2022/HĐCV, Phụ lục số 01 và phụ lục số 02 với nội dung như sau:

- Số tiền nhận nợ: 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng).
- Thời hạn vay: 18 tháng.
- Mục đích sử dụng vốn vay: Tiêu dùng cá nhân và gia đình.
- Lãi suất cho vay: Lãi suất cố định trong suốt thời gian vay là: 22.50%/ năm
- Lãi suất nợ quá hạn và lãi suất chậm trả:
 - + Khoản nợ gốc quá hạn phải chịu lãi suất quá hạn tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
 - + Đối với khoản lãi tính trên nợ gốc mà đến hạn chưa trả, khách hàng phải chịu mức lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
 - + Lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả là cố định, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
- Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi:
 - + Nợ gốc trả đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng tính trên dư nợ thực tế giảm dần.
 - + Ngày trả nợ hàng tháng: 06. Ngày trả nợ gốc lần đầu tiên vào ngày 06/02/2023. Số tiền gốc phải trả mỗi kỳ: 11.111.111 đồng, kỳ cuối trả tất toán.
 - + Trả nợ lãi: Ngày trả nợ hàng tháng: 06. Ngày trả nợ lãi lần đầu tiên vào ngày 06/02/2023.
- * Ngày 03/01/2023, Ông Lê Đình X và bà Cái Thị H ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04199/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3692755 với MSB - CN Gia Lai.
 - Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức thấu chi ("HMTTC").
 - HMTTC được MSB cấp cho khách hàng là: 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng).
 - Thời hạn duy trì HMTTC: 12 tháng, từ ngày 21/12/2022 đến ngày 21/12/2023.
 - Mục đích sử dụng HMTTC: Phục vụ đời sống, nhu cầu chi tiêu cá nhân.
 - Lãi suất thấu chi: Là lãi suất thả nổi và được tính trên dư nợ gốc thực tế giảm dần.
 - Lãi suất thấu chi trong hạn: 23%/năm (cơ sở tính năm là 365 ngày) áp dụng kể từ ngày cấp HMTTC cho đến ngày 21/12/2023.
 - Lãi suất quá hạn:
 - + Khoản nợ gốc quá hạn phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất thấu chi

trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả.

+ Đối với khoản lãi tính trên nợ gốc mà đến hạn chưa trả, khách hàng phải chịu mức lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

+ Lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả là cố định, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Tổng cộng ông Lê Đình X và bà Cái Thị H đã ký vay 02 hợp đồng với Ngân hàng với tổng số tiền vay là 400.000.000 đồng và cá nhân ông Lê Đình X ký 01 Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức 100.000.000đ.

Sau khi vay vốn ông Xuân, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc yêu cầu trả nợ vay nhưng ông X, bà H vẫn chây ì và không chịu trả.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Đình X và bà Cái Thị H phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc và lãi tính tới ngày 14/7/2025 là 515.984.588đ (Năm trăm mười lăm triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm tám mươi tám đồng) trong đó nợ gốc là 321.692.579đ nợ gốc và nợ lãi 194.292.009đ. Cá nhân ông Lê Đình X phải trả 199.151.227đ nợ thẻ tín dụng, trong đó 99.799.221đ nợ gốc và 99.352.006đ nợ lãi.

Ý kiến bị đơn:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn là ông Lê Đình X và bà Cái Thị H, tuy nhiên ông Lê Đình X và bà Cái Thị H không có ý kiến gì và cũng không tham gia các buổi hòa giải cũng như không tham gia xét xử, nên ông Lê Đình X và bà Cái Thị H không có lời khai tại hồ sơ vụ án cũng như không có lời khai tại phiên tòa.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Gia Lai tham gia phiên tòa:

* Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng các bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

* *Về nội dung vụ án:*

- Căn cứ Điều 274; Điều 275; Điều 463; Điều 466; Điều 467; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng

- Căn cứ Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 của của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn phải trả cho nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt N số tiền: 515.984.588đ (Năm trăm mười lăm triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm tám mươi tám đồng) trong đó nợ gốc là 321.692.579đ nợ gốc và nợ lãi 194.292.009đ. Ông Lê Đình X phải trả 199.151.227đ nợ thẻ tín dụng, trong đó 99.799.221đ nợ gốc và 99.352.006đ nợ lãi.

Nguyên đơn phải chịu tiền chi phí đăng tin.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện liên quan đến việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo kết quả xác minh của Tòa án bị đơn ông Lê Đình X và bà Cái Thị H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại 469 Lê D, tổ 2, phường Thắng L, thành phố P, tỉnh Gia Lai - nay là phường An P, tỉnh Gia Lai, tuy nhiên khi Tòa án tổng đạt thông báo Thụ lý vụ án, bị đơn là ông Lê Đình X và bà Cái Thị H đã đi khỏi nơi cư trú mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, khi đi bị đơn không thông báo cho nguyên đơn và Cơ quan có thẩm quyền biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015, đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ, như vậy, xác định các bị đơn có nơi cư trú tại: 469 Lê D, tổ 2, phường Thắng L, thành phố P, tỉnh Gia Lai - nay là phường An P, tỉnh Gia Lai, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với các bị đơn và đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bị đơn để tiến hành giải quyết theo thủ tục chung là đúng theo quy định tại các Điều 177, 180 BLTTDS năm 2015.

- Các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến hay phản đối lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như vậy các bị đơn là ông Lê Đình X và bà Cái Thị H đã mặc nhiên chấp nhận việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt N và đồng thời xem như ông X bà H đã từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

-Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt N là chủ thể có đăng ký kinh doanh ký kết hợp đồng tín dụng với cá nhân với nội dung cho cá nhân vay để tiêu dùng cá nhân và gia đình, các bên không có mục đích lợi nhuận nên xác định đây

là tranh chấp dân sự về Hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 1 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt N ủy quyền lại cho Lê R, chức vụ: Chuyên viên cao cấp phòng XLN KHCN tín chấp – Ngân hàng QLTD-MBS (theo văn bản ủy quyền số 10187A/2024/GUQ-TGD12 ngày 18/10/2024) tham gia tố tụng và được tòa án chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của người được ủy quyền lại của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định giữa Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt N và ông Lê Đình X và bà Cái Thị H có giao kết Hợp đồng tín dụng số 0212/2022/HĐCV, phụ lục số 01 và phụ lục số 02 cùng ký ngày 02/12/2022 để vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Ngày 03/01/2023 giữa Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt N và ông Lê Đình X và bà Cái Thị H có giao kết Hợp đồng tín dụng số 04199/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3692755 ngày 03/01/2023 để vay theo hạn mức thấu chi số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Ngoài ra, giữa Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam và ông Lê Đình X còn ký kết một Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/10/2022 với hạn mức 100.000.000đ. Loại thẻ Mdiggi.

[3] Trên cơ sở các Hợp đồng đã ký kết Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt N đã cho ông Lê Đình X và bà Cái Thị H vay số tiền: 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và ông Lê Đình X được cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức 100.000.000đ theo như thỏa thuận giữa các bên. Hợp đồng tín dụng giữa hai bên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy các Hợp đồng nói trên là hợp pháp nên phát sinh hiệu lực.

[4] Theo các tài liệu chứng cứ do người được ủy quyền lại của nguyên đơn cung cấp thể hiện trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay ông Lê Đình X và bà Cái Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi hàng tháng, vi phạm kỳ hạn thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, mặc dù Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt N đã nhiều lần gửi giấy báo nhắc nợ, nhưng ông X và bà H không hợp tác và không có thiện chí trả nợ.

[5] Vì vậy, từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 467; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật Tổ chức các Tín dụng năm 2010 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Hàng Hải Việt N buộc ông Lê Đình X và bà Cái Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt N số tiền: 515.984.588đ (Năm trăm mười lăm triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm tám mươi tám đồng) trong đó nợ gốc là 321.692.579đ nợ gốc và nợ lãi 194.292.009đ. Ông Lê Đình X phải trả 199.151.227đ nợ thẻ tín dụng, trong đó 99.799.221đ nợ gốc và 99.352.006đ nợ lãi.

[6] Về án Phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo luật định. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp trước đây.

[7] Về lệ phí: Do nguyên đơn có yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nên nguyên đơn phải chịu lệ phí là 5.580.000đ. Nguyên đơn đã nộp đủ số tiền này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 180; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng vào các Điều 274; Điều 275; Điều 466; Điều 467; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt N.

2. Buộc ông Lê Đình X và bà Cái Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt N số tiền: 515.984.588đ (Năm trăm mười lăm triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm tám mươi tám đồng) trong đó nợ gốc là 321.692.579đ nợ gốc và nợ lãi 194.292.009đ.

Buộc ông Lê Đình X phải trả cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt N số tiền 199.151.227đ nợ thẻ tín dụng, trong đó 99.799.221đ nợ gốc và 99.352.006đ nợ lãi.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án ông Lê Đình X và bà Cái Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0212/2022/HĐCV; Hợp đồng tín dụng hạn mức 04199/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3692755 ngày 03/01/2023 và Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng ngày 06/10/2022. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt N phải chịu phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng 5.580.000đ (Năm triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam đã nộp đủ số tiền này.

3. Về án phí: Ông Lê Đình X và bà Cái Thị H phải chịu: 24.639.383đ (Hai mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn ba trăm tám mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Đình X phải chịu 9.957.561đ (chín triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm sáu mươi một đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt N số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp trước đây là: 13.519.328đ (mười ba triệu năm trăm mười chín nghìn ba trăm hai mươi tám

đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 000382 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự TP.Pleiku.

4.Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 14/7/2025) Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đối với các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Hồng